



# 2023 CHAU-SHI Series Mizuno Open

## 肇喜登峰巡迴賽 美津濃公開賽

### 第一 & 二回合編組表

### Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：斑芝花高爾夫俱樂部

上午場 Morning Session

112年6月28日(星期三)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	6:30	1	31	10:50	10	楊 豪	TWN	11	6:30	10	21	10:50	1	洪瑞誠	TWN
						林義淵	TWN							王璽安	TWN
						張澤鵬	TWN							謝曜宇 A	TWN
2	6:40	1	32	11:00	10	林晟毓	TWN	12	6:40	10	22	11:00	1	許智傑	TWN
						蔡叢宇	TWN							張佑健	TWN
						卓宗霖	TWN							陳嘉佑 A	TWN
3	6:50	1	33	11:10	10	林永龍	TWN	13	6:50	10	23	11:10	1	李尚融	TWN
						賴韋綸	TWN							陳科壹	TWN
						邱昱嘉	TWN							張祐愷 A	TWN
4	7:00	1	34	11:20	10	陳伯豪	TWN	14	7:00	10	24	11:20	1	沙比亞特·馬克	TWN
						許智凱	TWN							曾子軒	TWN
						陳逸祐	TWN							楊浚頡	TWN
5	7:10	1	35	11:30	10	李威霖	TWN	15	7:10	10	25	11:30	1	洪昭鑫	TWN
						陳裔東	TWN							陳宥蓁	TWN
						余松柏	TWN							鄭岱霖	TWN
6	7:20	1	36	11:40	10	廖煥鈞	TWN	16	7:20	10	26	11:40	1	林宸駒	TWN
						宋孟璋	TWN							張哲瑜	TWN
						曾子豪	TWN							呂孫儀	TWN
7	7:30	1	37	11:50	10	沈威成	TWN	17	7:30	10	27	11:50	1	蔡雨達	TWN
						劉永華	TWN							施俊宇	TWN
						謝東宏	TWN							林遠惟	TWN
8	7:40	1	38	12:00	10	林尚澤	TWN	18	7:40	10	28	12:00	1	王宥崴	TWN
						汪德昌	TWN							何勁宏	TWN
						陳奕騫	TWN							連驪森	TWN
9	7:50	1	39	12:10	10	鄭存宸	TWN	19	7:50	10	29	12:10	1	張建棋	TWN
						李謹州	TWN							陳傑生	TWN
						黃祥豪	TWN							蔡宗佑	TWN
10	8:00	1	40	12:20	10	李士鴻	TWN	20	8:00	10	30	12:20	1	劉澤森	TWN
						謝旻軒	TWN							陳鳴悒	TWN
						陳暉泓	TWN							邱瀚霆	TWN



# 2023 CHAU-SHI Series Mizuno Open

## 肇喜登峰巡迴賽 美津濃公開賽

### 第一 & 二回合編組表

### Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：斑芝花高爾夫俱樂部

下午場 Afternoon Session

112年6月28日(星期三)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
21	10:50	1	11	6:30	10	翁永田	TWN	31	10:50	10	1	6:30	許孟男	TWN	
						葉甫	TWN						曾豐棟	TWN	
						姜榮彬	TWN						許育誠	TWN	
						溫楨祥	TWN						林耕緯	TWN	
						徐兆維 A	TWN						許立朋	TWN	
						林大鎬	TWN						徐國雄	TWN	
						李卓全	TWN						范揚嘉	TWN	
						邵首超 A	TWN						陳威勝	TWN	
						范姜皓詮	TWN						林冠伯	TWN	
						賴嘉一	TWN						盧建順	TWN	
22	11:00	1	12	6:40	10	林文堂	TWN	32	11:00	10	2	6:40	黃冠勳	TWN	
						謝繼賢	TWN						高藤	TWN	
						張緯綸	TWN						劉嚴鴻	TWN	
						王偉祥	TWN						李玠柏	TWN	
						劉又睿	TWN						王偉軒	TWN	
						呂文德52	TWN						洪健堯	TWN	
						蔡啟煌	TWN						詹世昌	TWN	
						蔡凱任	TWN						楊斐皓	TWN	
						許閎軒	TWN						蔡辰錯	TWN	
						葉偉志	TWN						Kristoffer Arevalo	PHI	
23	11:10	1	13	6:50	10	何祐誠	TWN	33	11:10	10	3	6:50	黃議增	TWN	
						謝錦昇	TWN						呂偉智	TWN	
						蘇彥璋	TWN						李睿紳 A	TWN	
						辜柏雲	TWN						方胤人	TWN	
						蔣宸麟	TWN						葉昱辰	TWN	
						許維宸 A	TWN						伴翔太郎	USA	
						王鈺棋	TWN						蘇文祥	TWN	
						周宏男	TWN						葉彰廷	TWN	
						黃頌	TWN						林張恆	TWN	
						24	11:20						1	14	7:00
周宏男	TWN	許孟男	TWN												
黃頌	TWN	曾豐棟	TWN												
翁永田	TWN	許育誠	TWN												
葉甫	TWN	林耕緯	TWN												
姜榮彬	TWN	許立朋	TWN												
溫楨祥	TWN	徐國雄	TWN												
徐兆維 A	TWN	范揚嘉	TWN												
林大鎬	TWN	陳威勝	TWN												
李卓全	TWN	林冠伯	TWN												
25	11:30	1	15	7:10	10	劉嚴鴻	TWN	35	11:30	10	5	7:10	李玠柏	TWN	
						李玠柏	TWN						王偉軒	TWN	
						王偉軒	TWN						洪健堯	TWN	
						洪健堯	TWN						詹世昌	TWN	
						詹世昌	TWN						楊斐皓	TWN	
						楊斐皓	TWN						蔡辰錯	TWN	
						蔡辰錯	TWN						Kristoffer Arevalo	PHI	
						Kristoffer Arevalo	PHI						黃議增	TWN	
						黃議增	TWN						呂偉智	TWN	
						呂偉智	TWN						李睿紳 A	TWN	
26	11:40	1	16	7:20	10	李睿紳 A	TWN	36	11:40	10	6	7:20	方胤人	TWN	
						方胤人	TWN						葉昱辰	TWN	
						葉昱辰	TWN						伴翔太郎	USA	
						伴翔太郎	USA						蘇文祥	TWN	
						蘇文祥	TWN						葉彰廷	TWN	
						葉彰廷	TWN						林張恆	TWN	
						林張恆	TWN						許孟男	TWN	
						許孟男	TWN						曾豐棟	TWN	
						曾豐棟	TWN						許育誠	TWN	
						許育誠	TWN						林耕緯	TWN	
27	11:50	1	17	7:30	10	許立朋	TWN	37	11:50	10	7	7:30	徐國雄	TWN	
						徐國雄	TWN						范揚嘉	TWN	
						范揚嘉	TWN						陳威勝	TWN	
						陳威勝	TWN						林冠伯	TWN	
						林冠伯	TWN						盧建順	TWN	
						盧建順	TWN						黃冠勳	TWN	
						黃冠勳	TWN						高藤	TWN	
						高藤	TWN						劉嚴鴻	TWN	
						劉嚴鴻	TWN						李玠柏	TWN	
						李玠柏	TWN						王偉軒	TWN	
28	12:00	1	18	7:40	10	王偉軒	TWN	38	12:00	10	8	7:40	洪健堯	TWN	
						洪健堯	TWN						詹世昌	TWN	
						詹世昌	TWN						楊斐皓	TWN	
						楊斐皓	TWN						蔡辰錯	TWN	
						蔡辰錯	TWN						Kristoffer Arevalo	PHI	
						Kristoffer Arevalo	PHI						黃議增	TWN	
						黃議增	TWN						呂偉智	TWN	
						呂偉智	TWN						李睿紳 A	TWN	
						李睿紳 A	TWN						方胤人	TWN	
						方胤人	TWN						葉昱辰	TWN	
29	12:10	1	19	7:50	10	伴翔太郎	USA	39	12:10	10	9	7:50	蘇文祥	TWN	
						蘇文祥	TWN						葉彰廷	TWN	
						葉彰廷	TWN						林張恆	TWN	
						林張恆	TWN						許孟男	TWN	
						許孟男	TWN						曾豐棟	TWN	
						曾豐棟	TWN						許育誠	TWN	
						許育誠	TWN						林耕緯	TWN	
						林耕緯	TWN						許立朋	TWN	
						許立朋	TWN						徐國雄	TWN	
						徐國雄	TWN						范揚嘉	TWN	
30	12:20	1	20	8:00	10	范揚嘉	TWN	40	12:20	10	10	8:00	陳威勝	TWN	
						陳威勝	TWN						林冠伯	TWN	
						林冠伯	TWN						盧建順	TWN	
						盧建順	TWN						黃冠勳	TWN	
						黃冠勳	TWN						高藤	TWN	
						高藤	TWN						劉嚴鴻	TWN	
						劉嚴鴻	TWN						李玠柏	TWN	
						李玠柏	TWN						王偉軒	TWN	
						王偉軒	TWN						洪健堯	TWN	
						洪健堯	TWN						詹世昌	TWN	